

Bản án số: 226/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10/3/2026

“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Diệp A**

Bà Đào Tuyết T

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị G - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Kim O – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 678/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2025 về tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2026/QĐXX-ST ngày 03/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm: 1988

Căn cước công dân số: 001188045954 do Cục cảnh sát quản lý về TTXH cấp ngày 04/5/2021.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: số E B, phường H, Thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Tự do

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T - sinh năm: 1983

Căn cước công dân số: 001083013098 do Cục cảnh sát quản lý về TTXH cấp ngày 04/5/2021.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: số E B, phường H, Thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Công nhân

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn số: A, quyền B ngày 31/5/2006 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H (nay là phường H), Hà Nội. Quá trình chung sống, chúng tôi đã mâu thuẫn nhiều năm nay và sống ly thân được hơn 01 năm. Mâu thuẫn vợ chồng rất căng thẳng do chồng tôi không thông cảm, thấu hiểu tôi mà còn có lời lẽ xúc phạm. Tôi đã nhịn rất nhiều lần và cũng cố gắng đã duy trì cuộc sống vợ chồng nhưng sự việc cãi nhau xảy ra liên tục. Trong thời gian tôi ở chung nhà với mẹ anh T cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đỉnh điểm là khoảng tháng 9 năm 2024 khi tôi muốn về quê thăm mẹ già ở 1 mình ở quê thì anh T và mẹ anh T cấm đoán không cho tôi về. Sau khi về quê, tôi quay về nhà thì mẹ chồng tôi liền bảo: “sao không đi luôn đi còn về đây làm gì?” tôi cảm thấy rất mệt mỗi khi ở nhà chồng. Ngoài ra tôi đi làm buôn bán không có tiền riêng, không được tự chủ kinh tế. Rất nhiều lần anh T hứa nhưng khi tôi về vợ chồng lại đánh cãi chửi nhau, xúc phạm nhau. Chúng tôi đã từng nộp đơn đến Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng (cũ), Hà Nội nhưng chưa giải quyết được. Đến nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 05/01/2007, Nguyễn Trà M sinh ngày 16/4/2011, Nguyễn Khánh C sinh ngày 15/10/2014. Cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi xin nuôi cháu C, anh T nuôi cháu M và không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 03/12/2025 được bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn số: A, quyền B ngày 31/5/2006 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H (nay là phường H), Hà Nội. Quá trình chung sống, chúng tôi chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống cũng có mâu thuẫn tuy nhiên theo tôi là không quá nặng nề. Cho đến tháng 9/2024, do vợ chồng hiểu lầm nhau, mẹ tôi mắng cháu (con của tôi) nhưng vợ tôi lại cho là đuổi cô ấy nên có xảy ra mâu thuẫn và vợ tôi đã về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Tôi đã cố gắng gặp gỡ xin lỗi vợ nhưng không có kết quả. Đến nay chị H xin ly hôn, tôi không

đồng ý ly hôn vì còn tình cảm yêu thương vợ và không muốn các con phải khổ. Sau lần hòa giải trước tại Tòa án, tôi cũng mong muốn được hàn gắn nhưng cá nhân tôi mỗi lần gặp chị H là khó mở lời vì vậy tôi cũng chưa gặp được chị H để hòa giải. Cá nhân tôi suy nghĩ chỉ vì việc bắt hòa nhỏ mà chị H không chịu hòa giải quay về. Tôi mong muốn chị H nghĩ đến các con mà quay về cùng tôi nuôi dạy con.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 05/01/2007, Nguyễn Trà M sinh ngày 16/4/2011, Nguyễn Khánh C sinh ngày 15/10/2014. Cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu trong trường hợp Tòa án xét xử vụ án ly hôn thì tôi cũng theo nguyện vọng của vợ tôi về việc nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa:

Chị H trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại đơn khởi kiện và các ý kiến bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án. Do cuộc sống vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Anh chị đã ly thân từ hơn 01 năm đến nay. Chị kiên quyết xin được ly hôn với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết cho được nuôi con chung là cháu Nguyễn Khánh C. Tài sản chung và nhà ở, công nợ chung: không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T trình bày:

Về tình cảm: Anh không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với chị H. Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng theo anh chưa đến mức trầm trọng mà phải ly hôn. Do chị H giận dữ nên tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ. Chị H cũng không tạo điều kiện cho anh có cơ hội gặp gỡ hàn gắn tình cảm. Cuộc sống vợ chồng mỗi người một nơi kể từ khi chị H về nhà mẹ đẻ. Bản thân anh cũng suy nghĩ đó là thời gian để 2 vợ chồng tự nhìn nhận lại nhau và anh cũng không gặp chị H để nói chuyện. Thực tế hiện tại vợ chồng chị vẫn còn rất nhiều mâu thuẫn, tồn tại nhiều bức xúc, hiểu lầm nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không có ý kiến gì khác, anh đồng ý nhận nuôi cháu M, chị H nuôi cháu C và không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng. Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử là đúng quy định của pháp luật.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H (nay là phường H), Hà Nội. Do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ hơn 01 năm nay. Chị H có đơn xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn, nhưng quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa, anh chị đều không đưa ra những biện pháp hàn gắn tình cảm gia đình. Nhận thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, kéo dài. Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Anh T.

Về con chung: anh chị có 03 con chung là: Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 05/01/2007, Nguyễn Trà M sinh ngày 16/4/2011, Nguyễn Khánh C sinh ngày 15/10/2014. Cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành, nên không xem xét giải quyết. Giao chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Khánh C và giao anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trà M. Anh chị đều được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nhà ở chung: Anh chị đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về công nợ: Anh chị đều xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật:

Chị Nguyễn Thị H đơn phương xin ly hôn với anh Nguyễn Anh T nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), Luật số: 85/2025-QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn xuất trình tài liệu chứng minh anh Nguyễn Anh T, đăng kí hộ khẩu thường trú và cư trú tại: số E B, phường H, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), Luật số: 85/2025-QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn số: A, quyền B ngày 31/5/2006 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, Thành phố Hà Nội nay là phường H, Thành phố Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ban đầu anh chị chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đều xác định đã ly thân hơn 01 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống. Anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn nhưng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày. Từ năm 2025 đến nay anh chị mâu thuẫn căng thẳng, chị H đã về nhà mẹ đẻ để sống. Trong thời gian này, anh chị không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội thụ lý đơn xin ly hôn của chị H từ ngày 04/11/2025 và tạo điều kiện để anh chị có thời gian giải quyết mâu thuẫn, tuy nhiên trong thời gian này, mặc dù anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh cho rằng do chị H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ nên không có động thái tích cực để gặp gỡ, trao đổi thể hiện mong muốn hàn gắn cải thiện cuộc sống vợ chồng. Anh chị mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, tự lo cuộc sống

của riêng mình, không cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc. Khoản 2 Điều 19 – Luật hôn nhân gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu nghề nghiệp...*”. Mục đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh chị không thực hiện được điều đó. Tại phiên tòa anh T cũng thừa nhận hiện tại vợ chồng chị còn nhiều mâu thuẫn hiểu lầm chưa được giải quyết, không thể tìm được phương án hòa giải để có thể đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc.

Xét thấy: Hôn nhân giữa chị H và anh T thực tế không còn tồn tại, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không tìm được biện pháp để đoàn tụ, chị H xin ly hôn là phù hợp với điều 51, Điều 56 – Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Anh chị đều xác nhận có 03 con chung là Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 05/01/2007, Nguyễn Trà M sinh ngày 16/4/2011, Nguyễn Khánh C sinh ngày 15/10/2014. Cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H xin nuôi cháu C, anh T nuôi cháu M và không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý với nguyện vọng của chị H. Các con chung của anh chị đều không có ý kiến gì về việc nuôi con mà tùy Tòa án quyết định.

Xét thấy cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu C và cháu M, anh chị không có tranh chấp mà tự nguyện thỏa thuận chị H nuôi cháu C, anh T nuôi cháu M là phù hợp với quy định của pháp luật, mẹ đẻ của chị H và anh T đều đồng ý và tự nguyện sẽ hỗ trợ cùng anh chị nuôi dạy con chung vì vậy có căn cứ để công nhận thỏa thuận của anh chị: Giao chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Khánh C và giao anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trà M kể từ tháng 03/2026 cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh chị đều được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung:

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh chị đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), Luật số: 85/2025-QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Anh T. Chị H được ly hôn anh T.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Anh T có 03 con chung là: Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 05/01/2007, Nguyễn Trà M sinh ngày 16/4/2011, Nguyễn Khánh C sinh ngày 15/10/2014. Cháu H1 đã đủ tuổi trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị: Giao chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Khánh C và giao anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trà M kể từ tháng 03/2026 cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh chị đều được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nhà ở chung: Anh chị đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về công nợ: Anh chị đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/25E/0014674 ngày 03/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, anh T. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 1 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hồng Hạnh